**Tiếp cận mới trong thay đổi chính sách an ninh lương thực của Việt Nam**

*TS. Nguyễn Quỳnh Huy\**

**Tóm tắt**

Từ khi bắt đầu cải cách kinh tế vào năm 1986, chính sách an ninh lương thực của Việt Nam chủ yếu tập trung vào việc tăng nguồn cung về gạo, đặc biệt là giữ ổn định đất lúa và hạn chế chuyển đổi sang các loại cây trồng khác. Theo cách tiếp cận chính sách tự chủ về gạo, Chính phủ khuyến khích nông dân tiếp tục duy trì việc trồng lúa. Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu đang diễn ra mạnh mẽ, cùng với những tác động của biến đổi khí hậu ở đồng bằng sông Cửu, xu hướng bỏ ruộng đang diễn ra, thì sản xuất lúa gạo đang mất dần lợi thế so sánh do diện tích nhỏ, manh mún. Do vậy, “chính sách "lúa gạo trước tiên" cần được xem xét lại. Bài viết đã chỉ ra những thách thức đối với trồng lúa ở quy mô nhỏ và vai trò của đa dạng hoá cơ cấu để cải thiện sinh kế hộ gia đình. Điều này đòi hỏi phải có sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận về chính sách an ninh lương thực của Việt Nam.

Từ khoá: an ninh lương thực, tự chủ gạo, chính sách lúa gạo trước tiên, nông nghiệp quy mô nhỏ, nông thôn Việt Nam.

\*Khoa Hành chính học, Học viện Hành chính Quốc gia, 77 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội; Email: huynq@napa.vn; Tel: +84 93464 2778

**Abstract**

Since the beginning of economic reforms in 1986, Vietnam’s food security policy has mainly focused on how to increase the supply of rice, particularly by keeping paddy land stable and through restrictions on converting to other crops and nonfarm activities. Under the rice self-sufficiency policy approach, the Government encourages rice farmers to continue to produce rice. However, in light of rapid economic structural transformation, adverse impacts of climate change in the Mekong River Delta, and the rising trends of abandoning paddy fields due to smallholder agriculture and land fragmentation, rice production is reducing its comparative advantage. As a result, ‘the rice first’ policy should be reconsidered. The paper finds challenges facing small rice farms and the role of crop diversification in improving the livelihoods. Therefore, Vietnam should implement a significant change in its food security policy.

Key words: food security, rice seld-sufficiency, rice first policy, smallholder agriculture, rural Vietnam

**1. Thách thức đặt ra trong chính sách “lúa gạo trước tiên”**

An ninh lương thực là một trong những mục tiêu quan trọng nhất liên quan đến hoạch định chính sách ở Việt Nam. Kể từ nạn đói những năm 1970 và đầu những năm 1980, Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách để duy trì tự chủ về gạo thông qua việc kiểm soát chặt chẽ đất trồng lúa và áp dụng chính sách "lúa gạo trước tiên". An ninh lương thực có liên quan trực tiếp đến chính sách đất đai. Ở Việt Nam, an ninh lương thực luôn có nghĩa là tự chủ về gạo[[1]](#footnote-1), và Chính phủ Việt Nam đã ban hành các chính sách nhằm duy trì đất trồng lúa để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia[[2]](#footnote-2). Chính vì vậy, chính sách an ninh lương thực của Việt Nam cũng trực tiếp liên quan đến chính sách "lúa gạo trước tiên".

Cây lúa là cây trồng quan trọng nhất trong sản xuất nông nghiệp của Việt Nam. Phần lớn sản xuất đến từ những hộ gia đình quy mô nhỏ do các hộ gia đình trực tiếp quản lý. Diện tích trồng lúa năm 2011 là 4,1 triệu ha, chiếm 43,77% tổng diện tích đất nông nghiệp và 65% diện tích đất canh tác hàng năm (Tổng cục thống kê, 2012) [1]; và số hộ trồng lúa đạt gần 9,3 triệu hộ, chiếm 77,6% tổng số hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp và 86,7% tổng số hộ trồng cây hàng năm. Diện tích ruộng lúa trung bình chỉ vào khoảng 0,44 ha/hộ [1]. Sản lượng gạo của các hộ nông dân chiếm 75% tổng diện tích cây trồng hàng năm về số lượng và trên 78% về giá trị [2].

**Hình 1. Tỷ lệ tăng trưởng của sản lượng gạo, 1986-2014 (%)**

Nguồn: Tính toán từ Tổng cục thống kê (2002, 2006, 2008, 2014).

Sự gia tăng sản lượng gạo tập trung lớn vào giai đoạn từ đợt cải cách ruộng đất đầu tiên vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 [3]. Tốc độ tăng trưởng sản lượng gạo cho thấy mức tăng bình quân hàng năm là 3,64% (Hình 1). Sau những cải cách đất đai vào năm 1988 và năm 1993, mức tăng trưởng bình quân của sản lượng gạo là 5.23% trong giai đoạn 1986-1999. Tuy nhiên, kể từ đó, tác động của đợt cải cách ruộng trong giai đoạn đầu đã giảm dần với tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2000-2014 là 2,25%. Cần lưu ý rằng đối với cả nước nói chung, tốc độ tăng trưởng bình quân của sản lượng gạo sụt giảm trong cả giai đoạn 1986-2014.

Những thành tựu đáng kể trong sản xuất lúa gạo đã đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Việt Nam đã duy trì thặng dư gạo xuất khẩu từ năm 1988, trung bình khoảng 10% tổng sản lượng mỗi năm. Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu gần 7 triệu tấn gạo, với tổng doanh thu 3 tỷ USD [4]. Mặc dù xuất khẩu gạo hàng năm rất lớn, nhưng nhiều hộ gia đình vẫn không có cơ hội tiếp cận thực phẩm, xã hội và kinh tế với thức ăn đủ, an toàn và bổ dưỡng để đáp ứng nhu cầu ăn kiêng của họ. Các hộ nghèo dễ bị tổn thương và trở nên không an toàn về an ninh lương thực.

Hình 2. Mức lợi nhuận trung bình của hộ trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long (%)

Nguồn: [5]

Thêm vào đó, hộ nông dân trồng lúa quy mô nhỏ đang gặp khó khăn để tồn tại và phải đa dạng hoá sinh kế do thu nhập thấp và chi phí sản xuất lúa tăng. Hình 2 cho thấy tỷ lệ lợi nhuận trung bình thu được của hộ trồng lúa ở khu vực trồng lúa gạo lớn nhất ở Việt Nam. Tỷ suất lợi nhuận trong sản xuất lúa giảm từ 70% năm 2006 xuống còn 10% trong năm 2010. Một trong những lý do cho lợi nhuận thấp là chi phí sản xuất lúa tăng nhanh. Hình 3 cung cấp thông tin về chi phí sản xuất lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long, có thể thấy chi phí phân bón và chi phí thuê lao động chiếm lần lượt là 46,5% và 33,1% tổng chi phí sản xuất gạo năm 2010. Trong nghiên cứu của Ngân hàng thế giới năm 2012 cho thấy, chính sách lúa gạo đã không tạo ra thu nhập chính cho người trồng lúa mặc dù nông dân đã dành phần lớn thời gian và công sức cho sản xuất lúa gạo. Tỷ trọng thu nhập bình quân từ cây lúa trong tổng thu nhập chỉ chiếm 20% từ các hộ có diện tích nhỏ hơn 0,5 ha.

Hình 3. Chi phí sản xuất lúa gạo ở Đồng bằng sông Cửu Long (1000 đồng/ha)

Nguồn: [6]

Tương tự như vậy, Bảng 1 cung cấp thông tin về thu nhập bình quân hàng tháng của hộ nông dân từ các nguồn khác nhau ở đồng bằng sông Cửu Long. Thu nhập bình quân đầu người một tháng từ cây lúa cho các hộ gia đình có quy mô trang trại nhỏ hơn 2 ha nằm dưới chuẩn nghèo chính thức ở khu vực nông thôn (400.000 đồng/người/tháng trong năm 2012). Để khuyến khích các hộ nông dân sản xuất gạo, chính phủ Việt Nam đã hỗ trợ cho ngành lúa gạo thông qua hỗ trợ giá cả, các chính sách thu mua lua và trợ cấp đầu vào [7,5]. Tuy nhiên, những nỗ lực này để hỗ trợ cho ngành lúa gạo đã gây ra nhiều áp lực nhiều cho ngân sách nhà nước trong bối cảnh khó khăn về ngân sách ở các địa phương.

Bảng 1. Thu nhập bình quân đầu người hàng tháng của hộ gia đình nông nghiệp từ các nguồn khác nhau ở Đồng bằng sông Cửu Long, 2012 (1000 VND)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Quy mô trang trại |  | Tổng thu nhập | Thu nhập từ trồng lúa | Thu nhập từ cây trồng khác | Thu nhập từ thuỷ sản và chăn nuôi | Thu nhập phi nông nghiệp |
| <1 ha | Trung bình % | 849100 | 15118 | 8410 | 8210 | 53363 |
| 1- 2 ha | Trung bình % | 1165100 | 28424 | 726 | 35931 | 44939 |
| 2.01 – 3 ha | Trung bình % | 1901100 | 65835 | 261 | 72838 | 49026 |
| >3 ha | Trung bình % | 1933100 | 129667 | 100 | 885 | 54028 |
| Tổng | Trung bình % | 1312100 | 53541 | 564 | 20916 | 51239 |

Nguồn: [7]

Vấn đề gia tăng tỷ lệ chi phí lao động làm thuê là một trong những thách thức đối với nông dân trồng lúa khi mức lương ở nông thôn tăng lên và các trang trại quy mô nhỏ gặp khó khăn về tài chính dẫn tới hiện tượng bỏ ruộng. Trong những năm gần đây, có xu hướng bỏ ruộng, đặc biệt là ở những trang trại sản xuất quy mô nhỏ có xu hướng gia tăng[[3]](#footnote-3). Vấn đề này đang là thách thức của chính phủ khi đe dọa trực tiếp đến an ninh lương thực quốc gia. [8] giải thích rằng tình trạng bỏ ruộng là do chi phí đăng ký chuyển nhượng cao và lợi nhuận thấp trong sản xuất nông nghiệp. Cho đến nay, chưa có nghiên cứu về xu hướng nông dân bỏ ruộng ở Việt Nam. Theo nghiên cứu về sản xuất nông nghiệp của các nước trong khu vực Đông Á của [9] cho thấy, lợi thế so sánh của nông nghiệp ở các nước Đông Á mất đi do sự gia tăng nhanh chóng của tiền lương ở khu vực nông thôn trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong trường hợp của Việt Nam, [10] cho thấy, mức lương ở nông thôn đã tăng 55,37% trong giai đoạn 2005-2012. Do đó, việc sử dụng nhiều lao động sẽ trở nên rất tốn kém trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu đang diễn ra nhanh chóng ở Việt Nam.

**2. Xu hướng đa dạng hóa cây trồng ở Việt Nam**

Trong khi chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn (2011-2020) do chính phủ đưa ra trong năm 2009, đã đặt ra các mục tiêu cụ thể nhằm sản xuất lương thực tự cung tự cấp cùng với việc tăng cường sản xuất các cây trồng có giá trị dinh dưỡng khác khác cũng như khuyến khích xuất khẩu rau quả và cây trồng hàng năm, giữ được sự hồi phục của hệ thống nông nghiệp [11], việc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp không trồng lúa và các vụ mùa khác là trái với chính sách về đất đai hiện nay. Mặc dù sản xuất lúa gạo chiếm 65% diện tích đất canh tác hàng năm [1], nhưng có nhiều nông dân trồng lúa đang trồng các cây hàng năm khác bên cạnh cây lúa. Các hộ nông dân quy mô nhỏ đã có những điều chỉnh để cải thiện sinh kế bằng cách đa dạng hoá cây trồng cho dù chính sách giữ ổn định đất trồng lúa vẫn không thay đổi [12]. [13] kết luận rằng khi sản xuất nông nghiệp ở quy mô nhỏ, các hộ gia đình có xu hướng đa dạng sinh kế hơn nhằm ổn định thu nhập và giảm bớt rủi ro. Như vậy xu hướng này cho thấy tầm quan trọng của việc xác định giá trị đa dạng hoá cây trồng, đặc biệt là khi chính phủ Việt Nam quan tâm tới việc chuyển sang các loại cây trồng khác thay vì lúa gạo, như một chiến lược phát triển nông nghiệp.

Đa dạng hoá cây trồng là rất quan trọng cho sự tăng trưởng và tính bền vững của sản xuất nông nghiệp ở các nước đang phát triển [14]. Ở Trung Quốc, với quy mô nhỏ và manh mún, các hộ gia đình nông dân đa dạng hóa các loại rau có giá trị cao và cây trồng hàng năm khác để có thể cải thiện thu nhập. Nhiều nước đang phát triển đã ưu tiên chuyển đổi mô hình trồng trọt từ sản xuất lúa gạo sang đa dạng hoá cơ cấu cây trồng [15]. [16] chỉ ra rằng đa dạng hóa cây trồng có thể cải thiện khả năng phục hồi từ tác động ngày càng tăng của biến đổi khí hậu. Do đó, đa dạng hoá cây trồng có thể thúc đẩy sự tăng cường tính bền vững trong sản xuất nông nghiệp.

Mặc dù chính sách lúa gạo và đất đai đã làm hạn chế người nông dân trồng lúa, nhưng xu hướng đa dạng về cây trồng đã xuất hiện ở Việt Nam[[4]](#footnote-4). [17] cung cấp cái nhìn tổng quan về các mô hình sử dụng đất điển hình, bao gồm các loại gạo chuyên biệt, gạo và các loại cây ngắn ngày như rau, đậu nành và các loại cây hàng năm khác. [17] cho thấy lợi nhuận cao hơn từ các mô hình trồng trọt bao gồm các loại cây trồng như khoai tây, cải bắp, cà chua, bí, dưa chuột, đậu và đậu Hà Lan. Ngoài ra, luân canh lúa và các cây trồng khác luôn mang lại thu nhập cao hơn đất trồng lúa đơn canh. [12] cho thấy ở các vùng núi của Việt Nam, các hộ gia đình phụ thuộc nhiều vào gạo để sinh sống và các loại cây công nghiệp khác để mang lại thu nhập cao hơn. Gạo chỉ chiếm 11% tổng diện tích đất và 8,5% chi tiêu của hộ gia đình, ngô là cây trồng chính (71% diện tích) và nguồn thu nhập chủ yếu đến từ hoa màu, chiếm 65% tổng thu nhập của hộ gia đình .

Tại đồng bằng sông Cửu Long, nông dân đã thông qua luân canh trên đất lúa, một số loại cây trồng hoặc cá đã được luân canh với lúa. Mặc dù đã có những hạn chế đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, nhưng nhiều chính quyền địa phương đã dần dần nới lỏng những hạn chế này và cho phép nông dân đa dạng hóa ở mức hạn chế[[5]](#footnote-5). Tuy nhiên, đất lúa vẫn chiếm 72% diện tích đất nông nghiệp trong vùng [6]. Bên cạnh đó, [6] ước tính rằng hộ gia đình luân canh lúa/cá tại khu vực trồng lúa gạo lớn nhất ở Việt Nam đã thu được 40-45 triệu đồng/ha/năm và lợi nhuận từ 20-25 triệu đồng/ha so với lợi nhuận 8-10 triệu đồng/ha từ sản xuất lúa gạo. Đồng thời, trong luân canh lúa/rau, các hộ trồng lúa sau vụ thu hoạch vụ đông xuân và trước khi trồng vụ hè thu có thể kiếm được thu nhập hàng năm từ 30-70 triệu đồng/ha, lợi nhuận từ 15 đồng đến 40 triệu đồng. Chính vì vậy, ngày càng có nhiều cuộc tranh luận về việc hoạch định lại các chính sách an ninh lương thực của Việt Nam, như nới lỏng các hạn chế đối với việc chuyển đổi cây trồng và cho phép giảm diện tích đất trồng lúa.

Để đo mức độ đa dạng hoá cây trồng ở nông thôn Việt Nam, chỉ số Herfindahl (HI) được bài nghiên cứu xây dựng. Chỉ tiêu này được định nghĩa là tổng bình phương của diện tích hoặc tỷ lệ doanh thu của mỗi vụ trong tổng diện tích/thu nhập [18]. Công thức chi tiết của HI áp dụng trong bài nghiên cứu này được mô tả như sau:

$$HI=\sum\_{i=1}^{N}\left(\frac{Y\_{i}}{\sum\_{i=1}^{n}Y\_{i}}\right)^{2}, 0\leq HI\leq 1$$

Trong đó, mà *Yi* đại diện cho chia sẻ thu nhập bởi vụ thứ *i* trong tổng doanh thu *Y* và *N* là số lượng cây trồng mà hộ thực hiện. Giá trị bằng 0 phản ánh sự đa dạng hoàn toàn và 1 phản ánh sự chuyên môn hoàn toàn (chỉ có một loại cây trồng duy nhất).

Hình 4. Chỉ số đa dạng hoá cơ cấu cây trồng (Herfindahl) hàng năm theo vùng của hộ gia đình, 2012

Nguồn: Tính toán từ Dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình năm 2012, Tổng cục thống kê.

Hình 4 mô tả danh mục đa dạng cây trồng hàng năm theo vùng ở Việt Nam. Trung bình mẫu của chỉ số Herfindahl là 0,64. Đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm sản xuất lúa gạo ở Việt Nam, có chỉ số Herfindahl cao nhất. Ngược lại, đa dạng hoá cây trồng chủ yếu xảy ra ở các vùng phía Bắc. Các hộ gia đình ở khu vực Tây Bắc sản xuất nhiều loại cây trồng hơn các vùng khác, và chỉ số Herfindahl là 0,57. Trong số các hộ nông dân trồng lúa, tỷ lệ hộ trồng thêm rau chiếm 78,68%. Số hộ sản xuất thêm cây lương thực chiếm 73,35% tổng số hộ. Chỉ có 38,12% hộ gia đình trồng cây công nghiệp hàng năm. 70,2% hộ gia đình đa dạng hoá cây trồng và chỉ có 29,8% hộ gia đình chỉ sản xuất lúa gạo.

Hình 5. Mô hình sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình

Chú ý: (a) = lúa; (b) = rau; (c) = cây lương thực khác ngoài lúa; (d) = cây công nghiệp hàng năm

Nguồn: Tính toán từ Dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình năm 2012, Tổng cục thống kê.

Theo [1], cả nước có 6,4 triệu ha trồng cây hàng năm, trong đó đất ruộng chiếm 63,97% (4,12 triệu ha). Có nhiều mô hình sử dụng đất khác nhau của hộ gia đình trong Dữ liệu Điều tra mức sống hộ gia đình năm 2012 của Tổng cục Thống kê. Các mô hình sử dụng đất cho các loại cây trồng khác nhau được chia thành bảy loại. Như được chỉ ra trong Hình 5, số hộ sản xuất gạo, rau và cây lương thực ngoài lúa chiếm 29,6%, Số trang trại trồng lúa gạo và cây trồng lương thực ngoài lúa ra chiếm 19,3% và 12,3% tương ứng.

**3. Một số gợi ý về chính sách**

Như nhiều nước trong khu vực Đông Á khác, Việt Nam là quốc gia dồi dào về nguồn lực lao động nhưng lại không phải là quốc gia có lợi thế lớn về diện tích đất. Sự thành công của cải cách đất đai theo hướng bình đẳng vào cuối những năm 1980 và đầu năm 1990 đã mang lại sự thay đổi rất lớn cho phát triển nông nghiệp [17]. Tuy nhiên, các cuộc cải cách đất đai này cũng tạo hệ thống sản xuất hộ gia đình quy mô nhỏ và manh mún, dẫn đến ảnh hưởng đến năng lực cải thiện năng suất nông nghiệp [2]. Sự cân bằng giữa chính sách an ninh lương thực và đảm bảo cải thiện phúc lợi gia đình luôn đặt ra nhiều thách thức cho hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp của Việt Nam trong những năm gần đây.

An ninh lương thực của Việt Nam gắn liền với sản xuất gạo, tự chủ về gạo và ổn định diện tích đất lúa. Kể từ khi đổi mới kinh tế năm 1986 đến nay, các chính sách an ninh lương thực được tập trung chủ yếu tăng cung về sản lượng gạo và giữ ổn định diện tích đất trồng lúa. Chính vì vậy, các vùng với lợi thế trong sản xuất lúa gạo đã được ưu tiên trở thành vùng trọng điểm cho an ninh lương thực của cả nước. Các chính sách nông nghiệp trong vùng như phát triển hệ thống thủy lợi, quản lý nguồn nước, giống, và khoa học kỹ thuật được tập trung chủ yếu vào tăng sản lượng gạo. Kết quả là, các vùng sản xuất lúa gạo tập trung đẩy mạnh sản xuất 3 vụ lúa một năm. Việc tăng cường sản xuất lúa 3 vụ trong năm đã khiến cho sản xuất nông nghiệp trong vùng dễ bị tổn thương do tác động của hệ thống đập trên sông Mê Kông và biến đổi khí hậu. [19] đã chỉ ra rằng chính sách lúa gạo của Việt Nam là không hiệu quả và kém hiệu lực. Chính sách tự chủ lương thực dựa trên kiểm soát sử dụng đất lúa là không hiệu quả khi các nguồn lực được sử dụng vào cây trồng mang lại giá trị thấp.

Chính vì vậy, thay đổi cách tiếp cận của chính sách an ninh lương thực không phụ thuộc vào cây lúa sẽ dẫn đến khả năng thay đổi cách tiếp cận quy hoạch lại vùng sản xuất nông nghiệp cho phù hợp hơn với điều kiện canh tác và đặc điểm nguồn nước nhằm giảm thiểu tác động của hạn hán, xâm nhập mặn vào mùa khô và lũ lụt vào mùa mưa cho vùng đồng bằng sông Cửu Long và các vùng sản xuất gạo khác trên cả nước. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý nguồn nước, đê điều, và cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi sẽ thay đổi. Kinh nghiệm về phát triển nông nghiệp của các nước đã chỉ ra rằng, với điều kiện canh tác quy mô nhỏ, việc đa dạng hóa cơ cấu cây trồng sẽ giúp hộ gia đình giảm thiểu tác động của thiên tai, từ đó ổn định thu nhập. Như vậy, những vùng dễ bị tổn thương do xâm nhập mặn có thể chuyển đổi mô hình trồng lúa sang các loại cây trồng hay vật nuôi chịu mặn, hoặc giảm vụ lúa để tránh tác động bất lợi chứ không sản xuất lúa gạo bằng mọi giá.

Bên cạnh đó, chính sách an ninh lương thực nên được thiết kế theo hướng thúc đẩy đa dạng hoá cây trồng cho các hộ gia đình có quy mô sản xuất nhỏ để cải thiện năng suất nông nghiệp. [2] đã chỉ ra rằng, việc trồng lúa ở tất cả các tỉnh là không thích hợp. Nỗ lực gần đây của chính phủ Việt Nam nhằm thúc đẩy đa dạng hoá trong Chiến lược Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2011-2020) là một bước đi đúng hướng. Do đó, sự đa dạng cây trồng nên được mở rộng để cải thiện thu nhập của các hộ nông dân. Như vậy, đa dạng hoá cây trồng cải thiện tình trạng dinh dưỡng của các hộ gia đình có thu nhập thấp thông qua tăng sản xuất các loại thực phẩm giàu chất dinh dưỡng để tiêu thụ trực tiếp và nâng cao thu nhập cho hộ gia đình là một bước đi đúng hướng [15].

**Tài liệu tham khảo**

[1] Tổng cục Thống kê, Kết quả khảo sát nông nghiệp 2011, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, Việt Nam, 2012.

[2] Kompas, T & Che, T.N., & Nguyen H.T.M, & Nguyen, H., ‘Productivity, net returns, and efficiency: land and market reform in Vietnamese rice production’, *Land Economics*, vol. 88, no. 3, pp. 478-495.

 [3] Kompas, T., *Market reform, productivity and efficiency in Vietnamese rice production*, Working Papers 04-4, Crawford School of Economics and Government, Australian National University, Canberra, 2004.

[4] World Bank, *Taking stock: an update on Vietnam’s recent economic developments,* The World Bank*,* 07/2016, Hanoi, Vietnam, 2016.

[5] Oxfam, ‘*Who has benefited from high rice prices in Vietnam?’* IPSARD and Oxfam, Hanoi, Vietnam, 2013.

[6] FAO, *The rice crisis: markets, policies and food security*, FAO and Earthscan, London, 2010.

[7] World Bank, *Vietnam rice, farmers and rural development: From successful growth to sustainable prosperity*, World Bank, Hanoi, Vietnam, 2012.

[8] Taylor, JE & Lybbert, TJ., *Essentials of Development Economics*, University of California Press, Berkeley, 2015.

[9] Otsuka, K., ‘Food insecurity, income inequality, and the changing comparative advantage in world agriculture’, *Agricultural Economics*, vol. 44, pp. 7–18, 2013.

[10] Wiggins, S & Keats, S., *Rural wages in Asia*, Report, Overseas Development Institute, London, 2014.

[11] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn *(2011-2020)-3310/BNN-KH*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội, Việt Nam, 2009.

[12] Minot, N & Epprecht, M & Tran, TTA & Le, QT, ‘*Income Diversification and Poverty in the Northern Uplands of Vietnam’*, International Food Policy Research Institute, Washington, DC, 2006.

[13] Robison, LJ & Barry, PJ., *The competitive firm’s response to risk*, Macmillan Publishing Company, New York, 1987.

[14] Ellis, F., ‘Household strategies and rural livelihood diversification’, *Journal of Development Studies*, vol. 35, no. 1, pp.1–35, 1998.

[15] FAO, *Crop diversification sustainable diets and nutrition*, Plant Production and protection Division, Rome, Italy, 2012.

[16] Lin, BB., ‘Resilience in agriculture through crop diversification: adaptive management for environmental change’, *Bio Science*, vol. 61, no. 3, pp.183–93, 2011.

[17] Marsh, SP, MacAulay, TG & Hung, PV., ‘*Agricultural development and land policy in Vietnam’,* ACIAR Monograph No 123, Australian Centre for International Agricultural Research, 2006.

[18] Brümmer, B, Glauben, T & Lu, W., ‘Policy reform and productivity change in Chinese agriculture: A distance function approach’, *Journal of Development Economics*, vol. 81, no. 1, pp.61–79, 2006.

[19] McPherson, MF 2012, ‘Land policy in Vietnam: challenges and prospects for constructive change’, *Journal of Macro marketing*, vol. 32, no. 1, pp.137–46, 2012.

1. Quan điểm này có thể thấy trong Nghị quyết 09/NQ-CQ về "Một số chính sách và biện pháp thúc đẩy phân phối nông sản" do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2000. [↑](#footnote-ref-1)
2. Vấn đề giữ đất ruộng và hạn chế chuyển đổi đất trồng lúa đã được các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam quan tâm. Chính sách quan trọng nhất liên quan đến đất lúa là Nghị quyết 26/NQ/TW về nông nghiệp, nông dân và phát triển nông thôn ban hành ngày 05 tháng 8 năm 2007. Nghị quyết 26 quy định cần duy trì đất trồng lúa phù hợp. Ngoài ra, theo Luật Đất đai năm 2013, người trồng lúa bị hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cần phải được phép của chính quyền địa phương. Việc chuyển đổi đất lúa phải được phê duyệt theo quy hoạch quy hoạch sử dụng đất từ ​​cấp xã đến cấp tỉnh. Các chính sách khác bao gồm Nghị quyết 63 năm 2009 về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và Nghị định 42 (2012) về quản lý và sử dụng đất lúa. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trong năm 2013, 42.785 gia đình đã trả lại 6.882 ha diện tích canh tác. Hơn 3.407 gia đình đã trả lại trên 433 ha đất cho chính quyền địa phương. Một số nông dân cho biết thu nhập họ kiếm được từ trồng lúa đã bị thu hẹp. Một vài trăm mét vuông đất chỉ có thể cung cấp cho họ với trung bình là $2,37 đến $3,79 một tháng:

(<http://thediplomat.com/2013/12/vietnamese-rice-farmers-abandon-their-fields/>; www.mard.gov.vn) [↑](#footnote-ref-3)
4. Tham khảo bằng chứng về hộ gia đình chuyển đối cơ cấu cây trồng:

<http://www.bloomberg.com/news/2013-09-12/vietnam-s-rice-output-faces-slide-on-crop-switch-southeast-asia.html> [↑](#footnote-ref-4)
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã lên kế hoạch chuyển 200.000 ha đất trồng lúa sang trồng các cây có giá trị cao hơn ở đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài ra, các vùng trồng lúa khác cũng đã bắt đầu chuyển đổi cây trồng ([www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)). [↑](#footnote-ref-5)